

Số: 34/2026/CBTT-HHV

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
 - Mã chứng khoán: **HHV**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
 - Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
 - E-mail: info@hhv.com.vn Website: <https://hhv.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 của Công ty.

(Chi tiết theo toàn văn Báo cáo tài chính đính kèm)

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/4/2026 tại đường dẫn: <https://hhv.com.vn/bao-cao-tai-chinh/2026>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026 của Công ty.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được ủy quyền CBTT

Kế toán trưởng



Lê Công Nghĩa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11 – 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	13 – 14
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	15 – 92



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 24/03/2026.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 31/03/2026 là 547.166.296 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2026 là:

5.471.662.960.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811,1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo, sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1105, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 3512, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành: 4661, 4781, 9531); bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4672, 4673, 4679, 4773); khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình máy tính khác, tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính, hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác (Mã ngành: 6219, 6220, 6290); hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6390, 6310); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7499); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng lao động tạm thời, cung ứng nguồn nhân lực khác (Mã ngành: 7821, 7822); hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm (Mã ngành: 7810); Hoạt động liên quan đến du lịch khác (Mã ngành: 7990); dịch vụ bảo đảm an toàn khác (Mã ngành: 8019); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); Dịch vụ vệ sinh khác (Mã ngành: 8129); hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng (Mã ngành: 8210); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); hoạt động hỗ trợ giáo dục khác (Mã ngành: 8569); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác văn học và sáng tác âm nhạc (Mã ngành: 9011); hoạt động biểu diễn nghệ thuật (Mã ngành: 9020); hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật (Mã ngành: 9039); hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác (Mã ngành: 9012);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	1.164.824.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	1.747.617.650.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	294.455.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	33.180.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%	240.545.200.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hàm Đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hàm Đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Vũng Áng - Bùn	Thôn Lạc Thắng, xã Kỳ Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn	Khu phố An Đỗ, Phường Hoài Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Chí Thạnh – Vân Phong	Thôn Tuy Dương, Xã Ô Loan, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 06/04/2026 Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành công văn số 297/QĐ-SGDHCM chấp nhận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả được thay đổi giá trị niêm yết chứng khoán từ 4.974.330.030.000 VND lên 5.471.662.960.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2026 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	31/05/2024	
Ông Trần Chung	Thành viên	31/05/2024	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	31/05/2024	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	31/05/2024	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	31/05/2024	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	16/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Phó TGD thường trực	01/10/2024	16/05/2025
	Tổng Giám đốc	16/05/2025	
Ông Trần Văn Chí	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Nguyễn Lê Bách	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2024	
Ông Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng Giám đốc	07/06/2025	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	31/05/2024	
Bà Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	23/05/2025	
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	20/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	20/05/2025	

Kế toán trưởng:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	06/06/2025
Ông Lê Công Nghĩa		06/06/2025	

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 04 năm 2026
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc

NGÔ TRƯỜNG NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.489.278.142.887	2.128.693.984.704
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		975.831.899.392	429.779.672.252
111	Tiền	V.1	849.901.490.450	386.072.000.783
112	Các khoản tương đương tiền		125.930.408.942	43.707.671.469
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		22.213.462.807	21.567.111.018
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	22.213.462.807	21.567.111.018
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.438.760.518.196	1.630.464.520.727
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	1.133.716.027.149	1.339.468.925.392
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	43.794.650.961	29.754.501.945
135	Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	274.460.386.817	274.451.640.121
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	Hàng tồn kho		50.755.005.409	44.914.909.709
141	Hàng tồn kho	V.7	50.755.005.409	44.914.909.709
160	Tài sản ngắn hạn khác		1.717.257.083	1.967.770.998
161	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.8a	1.717.063.583	1.967.770.998
163	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15b	193.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 01a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.433.977.349.851	5.434.028.296.116
210	Các khoản phải thu dài hạn		140.045.031.751	161.243.721.310
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	3.094.427.531	3.094.427.531
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	132.678.742.847	158.149.293.779
215	Phải thu dài hạn khác	V.5b	4.271.861.373	-
220	Tài sản cố định		242.458.278.711	239.938.674.025
221	Tài sản cố định hữu hình	V.9	194.715.332.103	190.696.713.844
222	Nguyên giá		319.256.864.933	316.448.960.495
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(124.541.532.830)	(125.752.246.651)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	40.155.339.175	41.651.602.747
225	Nguyên giá		48.541.148.950	48.541.148.950
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.385.809.775)	(6.889.546.203)
227	Tài sản cố định vô hình	V.11	7.587.607.433	7.590.357.434
228	Nguyên giá		7.669.274.113	7.669.274.113
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(81.666.680)	(78.916.679)
250	Tài sản dở dang dài hạn		565.376.460	3.376.113.479
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	565.376.460	3.376.113.479
260	Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	5.049.160.435.168	5.027.807.191.259
261	Đầu tư vào công ty con		3.206.897.040.000	3.206.897.040.000
262	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		787.125.200.000	771.053.200.000
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.013.258.000.000	1.009.017.000.000
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	V.2a	41.880.195.168	40.839.951.259
270	Tài sản dài hạn khác		1.748.227.761	1.662.596.043
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.8b	1.748.227.761	1.662.596.043
270	TỔNG TÀI SẢN		7.923.255.492.738	7.562.722.280.820

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.934.273.504.051	2.131.218.405.615
310	Nợ ngắn hạn		1.318.094.769.473	1.577.579.822.579
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	278.178.542.935	325.504.326.169
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14a	99.766.922.163	102.791.223.460
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.15a	23.154.404.319	90.676.666.283
315	Phải trả người lao động	V.16	13.139.770.019	25.680.247.610
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	57.817.568.196	67.113.076.048
319	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	V.18a	1.136.909.091	1.194.181.818
320	Phải trả ngắn hạn khác	V.19	504.358.800.565	507.799.875.555
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	334.755.677.370	450.741.050.821
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.786.174.815	6.079.174.815
330	Nợ dài hạn		616.178.734.578	553.638.583.036
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.14b	575.469.595.915	507.937.125.175
337	Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	V.18b	5.256.392.461	5.535.100.416
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	35.452.746.202	40.166.357.445

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21b	5.988.981.988.687	5.431.503.875.205
411	Vốn góp của chủ sở hữu		5.471.662.960.000	4.974.330.030.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.471.662.960.000	4.974.330.030.000
412	Thặng dư vốn		5.188.162.000	5.364.062.000
418	Quý đầu tư phát triển		15.561.628.379	15.561.628.379
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		496.569.238.308	436.248.154.826
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		436.248.154.826	150.369.985.679
420b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		60.321.083.482	285.878.169.147
440	TỔNG NGUỒN VỐN		7.923.255.492.738	7.562.722.280.820

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



LÊ CÔNG NGHĨA



NGỘ TRƯỜNG NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày		
		2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	370.888.899.309	287.079.424.044	370.888.899.309	287.079.424.044
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	370.888.899.309	287.079.424.044	370.888.899.309	287.079.424.044
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	279.651.404.934	224.905.770.955	279.651.404.934	224.905.770.955
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.237.494.375	62.173.653.089	91.237.494.375	62.173.653.089
21	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư				-	-
22	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.015.374.332	21.553.984.230	2.015.374.332	21.553.984.230
23	Chi phí tài chính	VI.4	7.895.605.881	4.937.026.849	7.895.605.881	4.937.026.849
24	- Trong đó: Chi phí đi vay		7.895.605.881	4.937.026.849	7.895.605.881	4.937.026.849
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	10.744.485.859	10.535.224.333	10.744.485.859	10.535.224.333
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		74.612.776.967	68.255.386.137	74.612.776.967	68.255.386.137
31	Thu nhập khác	VI.6	828.718.143	-	828.718.143	-
32	Chi phí khác	VI.7	721.132	3.956.824	721.132	3.956.824
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		827.997.011	(3.956.824)	827.997.011	(3.956.824)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.440.773.978	68.251.429.313	75.440.773.978	68.251.429.313

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026
 (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
		2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành				
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.9			
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				
		<u>15.119.690.496</u>	<u>12.078.986.882</u>	<u>15.119.690.496</u>	<u>12.078.986.882</u>
		<u>60.321.083.482</u>	<u>56.172.442.431</u>	<u>60.321.083.482</u>	<u>56.172.442.431</u>

Người lập biểu



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng



LÊ CÔNG NGHĨA

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 04 năm 2026
 Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc




NGỘ TRƯỜNG NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	75.440.773.978	68.251.429.313
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	8.609.996.709	5.271.240.716
05	Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	(2.843.977.025)	(21.553.984.230)
06	Chi phí đi vay	7.895.605.881	4.937.026.849
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	89.102.399.543	56.905.712.648
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	213.070.965.692	(119.362.707.398)
10	Tăng hàng tồn kho	(5.840.095.700)	(44.386.509.915)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp]	(32.478.239.619)	64.398.031.583
12	Giảm chi phí chờ phân bổ	165.075.697	428.417.351
14	Chi phí đi vay đã trả	(8.085.453.408)	(4.801.771.092)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(67.559.418.716)	(49.320.113.262)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	188.375.233.489	(96.138.940.085)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(356.965.880)	(38.864.152.282)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	900.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(646.351.789)	(1.461.336.340)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	600.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.391.000.000)	(93.074.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.688.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	713.266.014	8.259.992.643
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(18.781.051.655)	(118.851.495.979)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	497.157.030.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	VII.3 59.024.256.765	196.548.568.336
34	Tiền trả nợ gốc vay	VII.4 (177.342.173.389)	(103.287.335.568)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	VII.4 (2.381.068.070)	(873.771.687)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	376.458.045.306	92.387.461.081
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	546.052.227.140	(122.602.974.983)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1 429.779.672.252	179.496.085.146
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	975.831.899.392	56.893.110.163

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



LÊ CÔNG NGHĨA



NGỘ TRƯỜNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 24/03/2026.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2026 là: **5.471.662.960.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo, sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1105, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 3512, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành: 4661, 4781, 9531); bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4672, 4673, 4679, 4773); khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình máy tính khác, tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính, hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác (Mã ngành: 6219, 6220, 6290); hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6390, 6310); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7499); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng lao động tạm thời, cung ứng nguồn nhân lực khác (Mã ngành: 7821, 7822); hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm (Mã ngành: 7810); Hoạt động liên quan đến du lịch khác (Mã ngành: 7990); dịch vụ bảo đảm an toàn khác (Mã ngành: 8019); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); Dịch vụ vệ sinh khác (Mã ngành: 8129); hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng (Mã ngành: 8210); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); hoạt động hỗ trợ giáo dục khác (Mã ngành: 8569); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác văn học và sáng tác âm nhạc (Mã ngành: 9011); hoạt động biểu diễn nghệ thuật (Mã ngành: 9020); hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật (Mã ngành: 9039); hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác (Mã ngành: 9012);

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty:****Danh sách các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.03.2026	01.01.2026	31.03.2026	01.01.2026
1	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	65,04%	65,04%	65,04%	65,04%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	74,24%	74,24%	74,24%	74,24%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,37%	99,37%	99,37%	99,37%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.03.2026	01.01.2026	31.03.2026	01.01.2026
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,42%	47,42%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320, tổ 30, Phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	42,31%	42,31%	40,00%	40,00%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
4	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Phòng số 311, Tầng 3, Khu văn phòng tòa CT2 Chung cư Ban Cơ Yếu Chính Phủ, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****Tóm tắt thông tin hoạt động của các Công ty con và Công ty liên kết:****i. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 22 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/07/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNĐKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 22 năm 5 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/03/2026 là: 1.791.041.030.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/08/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTĐTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

+ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT;

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 06/08/2024 là 18.904 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)**

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 2 tháng;

+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 2 tháng;

+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 2 tháng;

+ Hạng mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 2 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/03/2026 là: 2.354.036.400.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 10/07/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 9 năm 7 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/03/2026 là: 296.310.000.000 VND

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 12/08/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)**

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 339.447.800.000 VND

+ Vốn vay: 2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 11 năm 5 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/03/2026 là: 305.000.000.000 VND

v. Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4800935176 ngày 18/12/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 12/03/2026.

+ Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu: 844.240.000.000 VND

+ Vốn vay: 3.687.378.000.000 VND

+ Vốn Ngân sách nhà nước: 9.800.000.000.000 VND

Tổng 14.331.618.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Thời gian thi công xây dựng dự kiến theo PATC là từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/12/2026.

Thời gian thu phí dự kiến là 22 năm 04 tháng kể từ ngày dự án đi vào khai thác vận hành.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/03/2026 là: 601.363.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****vi. Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo**

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận) cấp ngày 28/07/2025.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND
Tổng	8.925.480.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9,99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 15 năm 2 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2026 là: 1.030.000.000.000 VND

vii. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 05/08/2025.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/03/2026 là: 105.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm Đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm Đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Vũng Áng - Bùn	Thôn Lạc Thắng, xã Kỳ Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn	Khu phố An Đỗ, Phường Hoài Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Chí Thạnh – Vân Phong	Thôn Tuy Dương, Xã Ô Loan, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Danh sách các Công ty đầu tư khác**i. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam**

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/07/2025.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2026 là:

829.800.000.000 VND

ii. Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả

Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0111279935 ngày 11/11/2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 05/02/2026.

Ngành nghề kinh doanh : Xây dựng công trình đường bộ

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2026 là:

4.500.000.000.000 VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.413 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.336 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán****a) Tỷ giá giao dịch thực tế**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ). Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****b) Tỷ giá ghi sổ**

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền là tỷ giá được xác định trên cơ sở trung bình giữa giá trị đã được quy đổi ra đơn vị tiền tệ trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh đối với bên Nợ các tài khoản tiền, nợ phải thu, tài sản khác hoặc bên Có các tài khoản nợ phải trả chia cho số lượng nguyên tệ tồn đầu kỳ và số lượng nguyên tệ phát sinh tăng trong kỳ của từng đối tượng. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền có thể được xác định tại thời điểm cuối kỳ hoặc từng thời điểm thanh toán.

c) Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi. Doanh nghiệp không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều phải được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và không bị hạn chế sử dụng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**4. Nguyên tắc các khoản phải thu (tiếp theo)**

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Tập đoàn, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí chờ phân bổ khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 12 tháng được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính (tiếp theo)**

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****d) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

e) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

f) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư

Chênh lệch giữa doanh thu bán, thanh lý BĐSĐT (bao gồm BĐSĐT nắm giữ để cho thuê và BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá để bán) với giá trị còn lại và chi phí bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng

khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phần ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

25. Công cụ tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phần ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Tiền mặt	829.515.930	698.840.038
Tiền gửi không kỳ hạn	849.071.974.520	385.373.160.745
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	609.047.479.741	143.231.684.800
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	229.616.996.995	221.807.366.890
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	8.445.247.690	18.795.597.007
Đối tượng khác	1.962.250.094	1.538.512.048
Tương đương tiền (*)	125.930.408.942	43.707.671.469
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	84.704.810.630	24.633.079.469
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	19.074.592.000	19.074.592.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	22.151.006.312	-
Cộng	975.831.899.392	429.779.672.252

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất 2,1%/năm, ngân hàng TPbank với lãi suất từ 3,2%/năm - 3,4%/năm và ngân hàng Vpbank với lãi suất từ 4,2%/năm - 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31.03.2026			01.01.2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Ngắn hạn	22.213.462.807	22.213.462.807	-	21.567.111.018	21.567.111.018	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	15.213.462.807	15.213.462.807	-	14.567.111.018	14.567.111.018	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	6.919.596.477	6.919.596.477	-	6.273.244.688	6.273.244.688	-
Đối tượng khác	1.293.866.330	1.293.866.330	-	1.293.866.330	1.293.866.330	-
Cho vay (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Dài hạn	41.880.195.168	41.800.195.168	-	40.839.951.259	40.839.951.259	-
Các khoản đầu tư khác (iii)	41.880.195.168	41.800.195.168	-	40.839.951.259	40.839.951.259	-
Bên liên quan	41.880.195.168	41.800.195.168	-	40.839.951.259	40.839.951.259	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	41.880.195.168	41.800.195.168	-	40.839.951.259	40.839.951.259	-
Cộng	64.093.657.975	64.013.657.975	-	62.407.062.277	62.407.062.277	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất 3,2%/năm, ngân hàng TPbank với lãi suất từ 3,7%/năm và ngân hàng Vpbank với lãi suất 6%/năm.
- (ii) Khoản cho Công ty Cổ phần IDC Đông Dương vay với lãi suất 9,5%/năm và Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 vay với lãi suất từ 8,5%- 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.
- (iii) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023 và Phụ lục hợp đồng số 03-01/HHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 18/06/2024 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo tối đa là 474.000.000.000 VND. Thời hạn hợp tác kinh doanh tối đa theo thời gian thu phí của dự án, tạm tính là 17 năm kể từ ngày dự án bắt đầu thu phí BOT. Công ty được hưởng phân chia lợi nhuận tương đương với tỷ suất lợi nhuận của nguồn vốn huy động khác quy định trong hợp đồng BOT dự án (tạm tính 10,33%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31.03.2026			01.01.2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	3.206.897.040.000	-	-	3.206.897.040.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.747.617.650.000	-	-	1.747.617.650.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	1.164.824.390.000	-	-	1.164.824.390.000	-	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	294.455.000.000	-	-	294.455.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	787.125.200.000	-	-	771.053.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	391.400.000.000	-	-	391.400.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000	-	-	122.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	33.180.000.000	-	-	33.180.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	240.545.200.000	-	-	224.473.200.000	-	-
Đầu tư vào Công ty khác	1.013.258.000.000	-	-	1.009.017.000.000	-	-
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	800.000.000.000	-	-	800.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	127.500.000.000	-	-	127.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (ii)	85.758.000.000	-	-	81.517.000.000	-	-
Cộng	5.007.280.240.000	-	-	4.986.967.240.000	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 561.183.000.000 VND lên 601.363.000.000 VND theo Theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 06/03/2026 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.
- (ii) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHT/BOT DDTL - HHV ngày 24/12/2024 và Phụ lục hợp đồng số 01/2025/PLHĐHT/BOT DDTL - HHV ngày 17/03/2025 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh là 178.000.000.000 VND, tương đương 1,261% tổng mức đầu tư dự án.

Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG****a) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31.03.2026		01.01.2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Bên liên quan	909.122.024.653	-	1.037.787.818.237	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	413.535.389.914	-	449.183.745.880	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	227.332.523.990	-	254.985.126.957	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	119.088.817.487	-	150.975.053.554	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	42.039.307.727	-	54.876.751.727	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	33.465.894.030	-	41.336.182.831	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	23.413.779.120	-	29.042.558.120	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	22.307.847.798	-	34.322.956.453	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	15.811.332.054	-	15.636.663.282	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	10.459.962.295	-	6.697.801.295	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh Giai đoạn 2	862.653.918	-	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả	804.516.320	-	730.978.138	-
Bên khác	224.594.002.496	11.035.892.482	301.681.107.155	11.035.892.482
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	66.855.120.873	-	65.791.060.046	-
Ban Quản lý dự án 2	44.598.135.446	-	84.047.718.395	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Bắc Trung Nam	16.993.241.111	-	1.101.649.054	-
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	14.079.087.000	-	18.254.009.000	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	12.880.620.346	-	12.880.620.346	-
Khu quản lý đường bộ I	7.603.546.000	-	7.411.576.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	-	5.082.418.376	-
Đối tượng khác	51.342.342.815	5.876.401.953	101.952.565.409	5.876.401.953
Cộng	1.133.716.027.149	11.035.892.482	1.339.468.925.392	11.035.892.482

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG****b) Phải thu khách hàng dài hạn**

	31.03.2026		01.01.2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Bên liên quan	3.094.427.531	-	3.094.427.531	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	3.094.427.531	-	3.094.427.531	-
Cộng	3.094.427.531	-	3.094.427.531	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Bên khác	43.794.650.961	29.754.501.945
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	14.583.843.864	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc Tế	10.412.841.600	926.667.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	7.581.804.304	7.581.804.304
Công ty TNHH TM DV & Đầu tư Xây dựng Lê Gia	6.096.187.687	13.859.837.000
Đối tượng khác	5.119.973.506	7.386.193.641
Cộng	43.794.650.961	29.754.501.945

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Bên khác	132.678.742.847	158.149.293.779
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	132.678.742.847	158.149.293.779
Cộng	132.678.742.847	158.149.293.779



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. PHẢI THU KHÁC****a) Ngắn hạn**

	31.03.2026		01.01.2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Tạm ứng	24.279.860.273	-	19.031.542.551	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	4.271.861.373	-
Bên liên quan	-	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	-	100.000.000	-
Bên khác	-	-	4.171.861.373	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	-	-	2.622.675.000	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	-	-	964.969.373	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	473.850.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	110.367.000	-
Phải thu về vốn góp	24.500.000.000	-	25.422.000.000	-
Bên liên quan	24.500.000.000	-	25.422.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	23.000.000.000	-	17.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng Trà Lĩnh	-	-	6.422.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Các khoản khác	225.680.526.544	873.033.836	225.726.236.197	873.033.836
Bên liên quan	20.890.141.962	-	20.890.141.962	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	14.881.361.082	-	14.881.361.082	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	6.008.780.880	-	6.008.780.880	-
Bên khác	204.790.384.582	873.033.836	204.836.094.235	873.033.836
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả (*)	200.017.435.616	-	200.017.435.616	-
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
Đối tượng khác	3.935.130.966	35.215.836	3.980.840.619	35.215.836
Cộng	274.460.386.817	873.033.836	274.451.640.121	873.033.836

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

a) Ngắn hạn

(*) Khoản nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐQT ngày 29/07/2025 về việc tăng tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo, tương đương giá trị đầu tư tối đa là 200.000.000.000 VND

b) Dài hạn

	31.03.2026		01.01.2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	4.271.861.373	-	-	-
Bên liên quan	100.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	-	-
Bên khác	4.171.861.373	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	2.622.675.000	-	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	964.969.373	-	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	110.367.000	-	-	-
Cộng	4.271.861.373	-	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31.03.2026			01.01.2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	873.033.836	-	(873.033.836)	873.033.836	-	(873.033.836)
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	31.03.2026		01.01.2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	39.922.092.617	-	32.161.463.979	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.566.670.497	-	12.516.291.990	-
Công cụ, dụng cụ	203.394.292	-	203.668.292	-
Sản phẩm	54.208.003	-	33.485.448	-
Hàng hóa	8.640.000	-	-	-
Cộng	50.755.005.409	-	44.914.909.709	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

8. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	766.487.113	1.095.368.006
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	242.198.625	247.885.853
Các khoản khác	708.377.845	624.517.139
Cộng	1.717.063.583	1.967.770.998

b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	34.353.739	56.771.357
Các khoản khác	1.713.874.022	1.605.824.686
Cộng	1.748.227.761	1.662.596.043

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	80.783.603.659	133.897.088.216	100.903.549.628	864.718.992	316.448.960.495
<i>Số tăng trong kỳ</i>	-	-	11.129.601.395	-	11.129.601.395
Mua trong kỳ	-	-	11.129.601.395	-	11.129.601.395
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
<i>Số giảm trong kỳ</i>	-	4.318.181.818	4.003.515.139	-	8.321.696.957
Thanh lý, nhượng bán	-	4.318.181.818	3.047.990.643	-	7.366.172.461
Giảm khác	-	-	955.524.496	-	955.524.496
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	80.783.603.659	129.578.906.398	108.029.635.884	864.718.992	319.256.864.933
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	18.419.967.510	43.551.868.277	63.108.499.624	671.911.240	125.752.246.651
<i>Số tăng trong kỳ</i>	1.029.659.298	3.913.125.723	2.146.985.473	21.212.642	7.110.983.136
Khấu hao trong kỳ	1.029.659.298	3.913.125.723	2.146.985.473	21.212.642	7.110.983.136
<i>Số giảm trong kỳ</i>	-	4.318.181.818	4.003.515.139	-	8.321.696.957
Thanh lý, nhượng bán	-	4.318.181.818	3.047.990.643	-	7.366.172.461
Giảm khác	-	-	955.524.496	-	955.524.496
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	19.449.626.808	43.146.812.182	61.251.969.958	693.123.882	124.541.532.830
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	62.363.636.149	90.345.219.939	37.795.050.004	192.807.752	190.696.713.844
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	61.333.976.851	86.432.094.216	46.777.665.926	171.595.110	194.715.332.103

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

45.452.542.402 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

51.154.274.206 VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	14.788.552.188	33.752.596.762	48.541.148.950
<i>Số tăng trong kỳ</i>	-	-	-
Thuê trong kỳ	-	-	-
<i>Số giảm trong kỳ</i>	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	14.788.552.188	33.752.596.762	48.541.148.950
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	2.519.623.323	4.369.922.880	6.889.546.203
<i>Số tăng trong kỳ</i>	452.356.902	1.043.906.670	1.496.263.572
Tăng trong kỳ	452.356.902	1.043.906.670	1.496.263.572
<i>Số giảm trong kỳ</i>	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	2.971.980.225	5.413.829.550	8.385.809.775
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	12.268.928.865	29.382.673.882	41.651.602.747
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	11.816.571.963	28.338.767.212	40.155.339.175

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 618.634.238 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	7.569.274.113	100.000.000	7.669.274.113
<i>Số tăng trong kỳ</i>	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
<i>Số giảm trong kỳ</i>	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	7.569.274.113	100.000.000	7.669.274.113
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	-	78.916.679	78.916.679
<i>Số tăng trong kỳ</i>	-	2.750.001	2.750.001
Khấu hao trong kỳ	-	2.750.001	2.750.001
<i>Số giảm trong kỳ</i>	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	-	81.666.680	81.666.680
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	7.569.274.113	21.083.321	7.590.357.434
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026	7.569.274.113	18.333.320	7.587.607.433

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:

0 VND

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	2.924.166.667
Xây dựng cơ bản dở dang	565.376.460	451.946.812
Cộng	565.376.460	3.376.113.479

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31.03.2026	01.01.2026
	VND	VND
Bên liên quan	87.299.620.603	66.446.681.723
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	37.509.233.159	24.690.701.270
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	33.410.300.171	31.647.657.478
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	9.188.624.140	4.974.227.480
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	7.191.463.133	5.134.095.495
Bên khác	190.878.922.332	259.057.644.446
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	25.244.118.605	25.014.018.606
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	20.061.923.893	38.902.876.698
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	14.325.259.079	14.325.259.079
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	11.263.435.894	10.150.796.936
Công Ty Cổ phần Tập Đoàn Trí Nam	8.151.710.240	8.151.710.240
Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư xây dựng bất động sản Á Châu	5.378.800.097	5.282.078.052
Công ty TNHH Xây dựng Hạ tầng Nam Trung	5.105.552.312	6.275.980.862
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	4.525.052.591	4.406.937.064
Công ty Cổ phần HAWEE Sản xuất và Thương mại	2.983.329.790	7.531.864.192
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	2.947.447.040	4.432.150.201
Đối tượng khác	90.892.292.791	134.583.972.516
Cộng	278.178.542.935	325.504.326.169

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Bên liên quan	-	442.890.297
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2	-	442.890.297
Bên khác	99.766.922.163	102.348.333.163
Ban quản lý dự án 85	67.022.908.000	67.022.908.000
Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh	28.124.589.000	30.706.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Đối tượng khác	2.144.419.238	2.144.419.238
Cộng	99.766.922.163	102.791.223.460

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Bên liên quan	496.897.909.915	507.937.125.175
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2 (ii)	341.355.000.000	341.355.000.000
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	155.542.909.915	166.582.125.175
Bên khác	78.571.686.000	-
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	78.571.686.000	-
Cộng	575.469.595.915	507.937.125.175

(i) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng).

(ii) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2 thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng) giai đoạn 2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC****a) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01.01.2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31.03.2026 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.559.418.716	15.119.690.496	67.559.418.716	15.119.690.496
Thuế giá trị gia tăng	22.726.870.909	9.573.539.590	24.342.771.734	7.957.638.765
Thuế thu nhập cá nhân	390.376.658	106.084.775	419.386.375	77.075.058
Thuế tài nguyên	-	2.529.000	2.722.500	-
Thuế khác	-	75.600	75.600	-
Cộng	90.676.666.283	24.801.919.461	92.324.374.925	23.154.404.319

b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	01.01.2026 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thực thu trong kỳ VND	31.03.2026 VND
Thuế tài nguyên	-	193.500	-	193.500
Cộng	-	193.500	-	193.500

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀ CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Tiền lương phải trả	13.139.770.019	25.680.247.610
Cộng	13.139.770.019	25.680.247.610

Tiền lương phải trả người lao động sẽ được chi trả từ ngày 05 đến ngày 10 của tháng kế tiếp theo quy định tại Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	53.658.570.582	55.523.003.997
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	3.639.270.464	10.880.497.374
Trích trước chi phí đi vay	519.727.150	709.574.677
Cộng	57.817.568.196	67.113.076.048

18. DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ**a) Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn**

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	1.100.000.000
Khác	36.909.091	94.181.818
Cộng	1.136.909.091	1.194.181.818

b) Doanh thu chờ phân bổ dài hạn

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Doanh thu nhận trước	5.225.000.000	5.500.000.000
Khác	31.392.461	35.100.416
Cộng	5.256.392.461	5.535.100.416

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
Kinh phí công đoàn	586.463.720	455.155.725
Tạm ứng	210.943.786	237.755.371
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	495.400.000.000	495.400.000.000
Bên liên quan	495.400.000.000	495.400.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	495.400.000.000	495.400.000.000
Các khoản khác	8.161.393.059	11.706.964.459
Bên liên quan	2.326.757.166	4.766.647.791
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	2.248.319.331	4.679.845.956
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	78.437.835	86.801.835
Bên khác	5.834.635.893	6.940.316.668
Công ty France Emulsion	1.606.087.366	1.606.087.366
Đối tượng khác	4.228.548.527	5.334.229.302
Cộng	504.358.800.565	507.799.875.555

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31.03.2026 VND	Phát sinh trong kỳ			Tại ngày 01.01.2026 VND
		Vay dài hạn đến hạn trả (*) VND	Tăng VND	Giảm VND	
Bên khác	334.755.677.370	4.713.611.243	59.024.256.765	179.723.241.459	450.741.050.821
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	220.736.984.639	314.363.429	59.024.256.760	87.916.423.857	249.314.788.307
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long	47.181.628.945	1.104.145.641	5	51.101.970.365	97.179.453.664
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	53.367.199.745	-	-	37.378.779.167	90.745.978.912
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	4.171.446.540	1.042.861.635	-	1.042.861.635	4.171.446.540
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	945.000.000	-	945.000.000	3.780.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	3.111.664.129	705.552.195	-	736.518.092	3.142.630.026
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.722.477.972	430.619.493	-	430.619.493	1.722.477.972
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	684.275.400	171.068.850	-	171.068.850	684.275.400
Cộng	334.755.677.370	4.713.611.243	59.024.256.765	179.723.241.459	450.741.050.821

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 31.03.2026 VND	Phát sinh trong kỳ			Tại ngày 01.01.2026 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả (*) VND	
Trên 1 năm đến 5 năm	35.452.746.202	-	-	4.713.611.243	40.166.357.445
Bên khác	35.452.746.202	-	-	4.713.611.243	40.166.357.445
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	5.751.893.097	-	-	1.104.145.641	6.856.038.738
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	5.390.000.000	-	-	945.000.000	6.335.000.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	14.252.454.870	-	-	1.042.861.635	15.295.316.505
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	2.057.801.672	-	-	430.619.493	2.488.421.165
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	3.895.507.014	-	-	705.552.195	4.601.059.209
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	2.209.618.000	-	-	171.068.850	2.380.686.850
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.895.471.549	-	-	314.363.429	2.209.834.978
Cộng	35.452.746.202	-	-	4.713.611.243	40.166.357.445

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:

<i>Hợp đồng tín dụng</i>	<i>Số dư nợ vay</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Bên cho vay</i>
Các kế ước nhận nợ trung hạn của HHV	4.713.611.243	Năm 2027	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính

c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

	Quý 1 năm 2026			Quý 1 năm 2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trên 1 năm đến 5 năm	2.999.702.308	618.634.238	2.381.068.070	1.071.247.065	197.475.378	873.771.687
Bên khác						
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	881.043.412	144.525.320	736.518.092	538.347.813	95.195.619	443.152.194
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	507.298.543	76.679.050	430.619.493	532.899.252	102.279.759	430.619.493
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	224.278.851	53.210.001	171.068.850	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	1.387.081.502	344.219.867	1.042.861.635	-	-	-
Cộng	2.999.702.308	618.634.238	2.381.068.070	1.071.247.065	197.475.378	873.771.687

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long Hà Nội	800.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.000.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng kế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo từng hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	15.368.991.049	60 tháng	10,95%/năm - 10,80%/năm	Ký cược
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược
6	Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	3.728.900.000	60 tháng	7,2%-8%/năm	Ký cược
7	Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	23.746.286.807	60 tháng	6,8%/năm	Ký cược

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2025	4.322.555.280.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	392.144.735.679	4.731.341.306.058
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	56.172.442.431	56.172.442.431
Tại ngày 31.03.2025	4.322.555.280.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	448.317.178.110	4.787.513.748.489
Tại ngày 01.01.2026	4.974.330.030.000	5.364.062.000	15.561.628.379	-	436.248.154.826	5.431.503.875.205
Tăng vốn trong kỳ	497.332.930.000	(175.900.000)	-	-	-	497.157.030.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	60.321.083.482	60.321.083.482
Tại ngày 31.03.2026	5.471.662.960.000	5.188.162.000	15.561.628.379	-	496.569.238.308	5.988.981.988.687

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31.03.2026 VND	%	01.01.2026 VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả (*)	156.255.540.000	2,86%	61.184.630.000	1,23%
Hồ Minh Hoàng	23.357.560.000	0,43%	21.234.150.000	0,43%
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	730.218.810.000	13,35%	730.218.810.000	14,68%
Vốn góp của các đối tượng khác	4.561.831.050.000	83,36%	4.161.692.440.000	83,66%
Cộng	5.471.662.960.000	100,00%	4.974.330.030.000	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	2,86%	2,86%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	2,86%	2,86%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	13,32%	13,35%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	13,32%	13,35%
Cộng	16,18%	16,21%

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 16,21%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội đồng quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	497.332.930.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	5.471.662.960.000	4.322.555.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀ CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	31.03.2026	01.01.2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	547.166.296	497.433.003
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	547.166.296	497.433.003
+ Cổ phiếu phổ thông	547.166.296	497.433.003
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	547.166.296	497.433.003
+ Cổ phiếu phổ thông	547.166.296	497.433.003
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026	2025	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	370.888.899.309	287.079.424.044	370.888.899.309	287.079.424.044
Doanh thu xây lắp	238.749.717.954	165.636.829.144	238.749.717.954	165.636.829.144
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	106.595.621.184	101.232.956.853	106.595.621.184	101.232.956.853
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	10.092.771.294	7.885.570.371	10.092.771.294	7.885.570.371
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	5.985.643.598	5.896.306.898	5.985.643.598	5.896.306.898
Doanh thu khác	9.465.145.279	6.427.760.778	9.465.145.279	6.427.760.778
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	370.888.899.309	287.079.424.044	370.888.899.309	287.079.424.044
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	271.736.486.716	178.616.764.504	271.736.486.716	178.616.764.504
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	95.581.025.814	84.113.472.594	95.581.025.814	84.113.472.594
Doanh thu xây lắp	163.267.345.758	85.707.003.897	163.267.345.758	85.707.003.897
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	10.092.771.294	7.885.570.371	10.092.771.294	7.885.570.371
Doanh thu khác	2.795.343.850	910.717.642	2.795.343.850	910.717.642

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀ CÀ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Giá vốn xây lắp	194.327.519.128	158.906.157.966	194.327.519.128	158.906.157.966
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	70.739.681.156	52.774.802.829	70.739.681.156	52.774.802.829
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	6.739.192.874	5.486.664.046	6.739.192.874	5.486.664.046
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	2.507.060.109	3.910.012.479	2.507.060.109	3.910.012.479
Giá vốn khác	5.337.951.667	3.828.133.635	5.337.951.667	3.828.133.635
Cộng	279.651.404.934	224.905.770.955	279.651.404.934	224.905.770.955

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	975.130.423	459.518.652	975.130.423	459.518.652
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.040.243.909	13.094.465.578	1.040.243.909	13.094.465.578
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Cộng	2.015.374.332	21.553.984.230	2.015.374.332	21.553.984.230

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Lãi tiền vay	7.895.605.881	4.937.026.849	7.895.605.881	4.937.026.849
Cộng	7.895.605.881	4.937.026.849	7.895.605.881	4.937.026.849

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Chi phí nhân công	4.041.899.827	4.622.078.090	4.041.899.827	4.622.078.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.860.716.033	1.237.601.135	1.860.716.033	1.237.601.135
Chi phí khấu hao	876.431.610	544.889.199	876.431.610	544.889.199
Các khoản chi phí khác	3.965.438.389	4.130.655.909	3.965.438.389	4.130.655.909
Cộng	10.744.485.859	10.535.224.333	10.744.485.859	10.535.224.333

6. THU NHẬP KHÁC

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	828.602.693	-	828.602.693	-
Các khoản khác	115.450	-	115.450	-
Cộng	828.718.143	-	828.718.143	-

7. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Các khoản khác	721.132	3.956.824	721.132	3.956.824
Cộng	721.132	3.956.824	721.132	3.956.824

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.971.485.670	131.507.049.644	58.942.091.470	131.507.049.644
Chi phí nhân công	90.670.280.311	96.759.243.922	90.670.280.311	96.759.243.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.626.856.380	13.831.703.412	12.565.503.125	13.831.703.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.609.996.709	5.271.240.716	8.609.996.709	5.271.240.716
Chi phí khác bằng tiền	127.368.647.816	23.481.100.544	127.368.647.816	23.481.100.544
Cộng	298.247.266.886	270.850.338.238	298.156.519.431	270.850.338.238

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026 VND	2025 VND	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.119.690.496	12.074.286.152	15.119.690.496	12.074.286.152
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	4.700.730	-	4.700.730
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.119.690.496	12.078.986.882	15.119.690.496	12.078.986.882

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

(*) Trình bày thông tin bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ như sau:

	Quý 1		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	2026	2025	31.3.2026	31.3.2025
	VND	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.440.773.978	68.251.429.313	75.440.773.978	68.251.429.313
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:				
- Các khoản điều chỉnh tăng	157.678.503	120.001.447	157.678.503	120.001.447
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(8.000.000.000)	-	(8.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế	75.598.452.481	60.371.430.760	75.598.452.481	60.371.430.760
Thu nhập tính thuế	75.598.452.481	60.371.430.760	75.598.452.481	60.371.430.760
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	15.119.690.496	12.074.286.152	15.119.690.496	12.074.286.152
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	4.700.730	-	4.700.730
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	15.119.690.496	12.078.986.882	15.119.690.496	12.078.986.882

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	59.024.256.765	196.548.568.336

4. Số tiền thực trả gốc trong kỳ

	Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	177.342.173.389	103.287.335.568
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	2.381.068.070	873.771.687
Cộng	179.723.241.459	104.161.107.255

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:****a) Cam kết thuê hoạt động (*)**

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	9.613.215.779	5.036.819.886
Trên 1 năm đến 5 năm	8.028.690.000	8.095.595.750
Trên 5 năm	-	-
Cộng	17.641.905.779	13.132.415.636

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo):****b) Cam kết cho thuê hoạt động (*)**

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng, phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	29.907.000.048	24.295.575.285
Trên 1 năm đến 5 năm	149.535.000.241	121.477.876.425
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>179.442.000.289</u>	<u>145.773.451.710</u>

(*) Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số kỳ trước và kỳ này nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

c) Cam kết vốn

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án). Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền cam kết phải góp vốn trong tương lai được trình bày như sau:

	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	97.150.800.000	20.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	50.381.522.958
Trên 5 năm	-	507.270.477.042
Cộng	<u>97.150.800.000</u>	<u>577.652.000.000</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo):****d) Cam kết khác (tiếp theo):**

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHTKD/BOT DDTL-HHV ngày 24/12/2024 và các phụ lục liên quan. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền cam kết phải trả về hợp tác kinh doanh trong tương lai được trình bày như sau:

	31.03.2026	31.03.2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	92.242.000.000	226.140.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>92.242.000.000</u>	<u>226.140.000</u>

2. Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1**3. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2026**

Ngày 06/04/2026 Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ban hành công văn số 297/QĐ-SGDHCM chấp nhận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả được thay đổi giá trị niêm yết chứng khoán từ 4.974.330.030.000 VND lên 5.471.662.960.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2026 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	03 tháng đầu năm 2025					
	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.885.570.371	165.636.829.144	5.896.306.898	101.232.956.853	6.427.760.778	287.079.424.044
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.885.570.371	165.636.829.144	5.896.306.898	101.232.956.853	6.427.760.778	287.079.424.044
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.398.906.325	6.730.671.178	1.986.294.419	48.458.154.024	2.599.627.143	62.173.653.089
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(10.535.224.333)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						51.638.428.756
Doanh thu hoạt động tài chính						21.553.984.230
Chi phí tài chính						(4.937.026.849)
Thu nhập khác						-
Chi phí khác						(3.956.824)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(12.078.986.882)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						56.172.442.431
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(38.864.152.282)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(5.271.240.716)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	03 tháng đầu năm 2026					
	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.092.771.294	238.749.717.954	5.985.643.598	106.595.621.184	9.465.145.279	370.888.899.309
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.092.771.294	238.749.717.954	5.985.643.598	106.595.621.184	9.465.145.279	370.888.899.309
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.353.578.420	44.422.198.826	3.478.583.489	35.855.940.028	4.127.193.612	91.237.494.375
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(10.744.485.859)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						80.493.008.516
Doanh thu hoạt động tài chính						2.015.374.332
Chi phí tài chính						(7.895.605.881)
Thu nhập khác						828.718.143
Chi phí khác						(721.132)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(15.119.690.496)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						60.321.083.482
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(356.965.880)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(8.609.996.709)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

01.01.2026	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	770.815.741	1.151.214.530.721	494.019.332.389	7.236.167.713	97.450.765.345	1.750.691.611.909
Tài sản không phân bổ						5.812.030.668.911
Tổng tài sản	770.815.741	1.151.214.530.721	494.019.332.389	7.236.167.713	97.450.765.345	7.562.722.280.820
Nợ phải trả bộ phận	-	433.222.983.495	18.314.235.086	-	50.600.689.330	502.137.907.911
Nợ phải trả không phân bổ						1.629.080.497.704
Tổng nợ phải trả	-	433.222.983.495	18.314.235.086	-	50.600.689.330	2.131.218.405.615

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

31.03.2026	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	51.868.426.642	943.235.020.410	459.711.887.725	6.890.966.130	75.761.114.179	1.537.467.415.086
Tài sản không phân bổ						6.385.788.077.652
Tổng tài sản	51.868.426.642	943.235.020.410	459.711.887.725	6.890.966.130	75.761.114.179	7.923.255.492.738
Nợ phải trả bộ phận	-	405.985.622.734	20.122.630.066	-	16.048.082.046	442.156.334.846
Nợ phải trả không phân bổ						1.492.117.169.205
Tổng nợ phải trả	-	405.985.622.734	20.122.630.066	-	16.048.082.046	1.934.273.504.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý:**

03 tháng đầu năm 2025	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú yên, Khánh Hòa, Bình Định VND	Bắc Giang, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Đồng Đăng VND	Đà Lạt, Quảng Ngãi VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	54.690.594.162	7.528.705.556	67.173.260.548	24.060.226.731	133.626.637.047	287.079.424.044
Tài sản bộ phận						6.377.280.034.015
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(38.864.152.282)
03 tháng đầu năm 2026	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Định VND	Bắc Giang, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Đồng Đăng VND	Đà Lạt, Quảng Ngãi VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	50.821.774.674	10.564.331.481	105.836.504.520	117.584.319.921	86.081.968.713	370.888.899.309
Tài sản bộ phận						7.923.255.492.738
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(356.965.880)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.03.2026		01.01.2026		31.03.2026	01.01.2026
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	975.831.899.392	-	429.779.672.252	-	975.831.899.392	429.779.672.252
Phải thu khách hàng	1.136.810.454.680	(11.035.892.482)	1.342.563.352.923	(11.035.892.482)	1.125.774.562.198	1.331.527.460.441
Trả trước cho người bán	176.473.393.808	(1.301.620.413)	187.903.795.724	(1.301.620.413)	175.171.773.395	186.602.175.311
Các khoản phải thu khác	278.732.248.190	(873.033.836)	274.451.640.121	(873.033.836)	277.859.214.354	273.578.606.285
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.213.462.807	-	21.567.111.018	-	22.213.462.807	21.567.111.018
Đầu tư tài chính dài hạn	5.049.160.435.168	-	5.027.807.191.259	-	5.049.160.435.168	5.027.807.191.259
Cộng	7.639.221.894.045	(13.210.546.731)	7.284.072.763.297	(13.210.546.731)	7.626.011.347.314	7.270.862.216.566

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.03.2026		01.01.2026		31.03.2026	01.01.2026
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	278.178.542.935	-	325.504.326.169	-	278.178.542.935	325.504.326.169
Người mua trả tiền trước	675.236.518.078	-	610.728.348.635	-	675.236.518.078	610.728.348.635
Vay và nợ	370.208.423.572	-	490.907.408.266	-	370.208.423.572	490.907.408.266
Phải trả người lao động	13.139.770.019	-	25.680.247.610	-	13.139.770.019	25.680.247.610
Các khoản phải trả khác	504.358.800.565	-	507.799.875.555	-	504.358.800.565	507.799.875.555
Cộng	1.841.122.055.169	-	1.960.620.206.235	-	1.841.122.055.169	1.960.620.206.235

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026				
Phải trả cho người bán	278.178.542.935	-	-	278.178.542.935
Người mua trả tiền trước	99.766.922.163	575.469.595.915	-	675.236.518.078
Vay và nợ	334.755.677.370	35.452.746.202	-	370.208.423.572
Chi phí phải trả	57.817.568.196	-	-	57.817.568.196
Các khoản phải trả phải nộp khác	505.495.709.656	-	5.256.392.461	510.752.102.117
Cộng	1.276.014.420.320	610.922.342.117	5.256.392.461	1.892.193.154.898

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ *Rủi ro về giá bất động sản*

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d) Tài sản đảm bảo (*)

- *Tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng*

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, quyền sử dụng đất, trái phiếu để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	31.03.2026	01.01.2026
	VND	VND
Tài sản cố định vô hình	-	-
Trái phiếu	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	12.000.000.000
Tài sản cố định hữu hình	45.452.542.402	48.714.376.429
Cộng	<u>57.452.542.402</u>	<u>60.714.376.429</u>

Ngoài những tài sản thế chấp nêu trên, các khoản vay từ ngân hàng còn được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng xây lắp, hợp đồng khai thác, quản lý, vận hành và bảo trì các tuyến đường bộ, đường hầm liên quan.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính quý 1 năm 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2025.

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 04 năm 2026

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

LÊ CÔNG NGHĨA

NGỘ TRƯỜNG NAM

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không phát sinh

- *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không có.

- *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

		Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2026	31.03.2025
		VND	VND
Tiền lương		908.000.000	1.068.000.000
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	-	210.000.000
Ngô Trường Nam	Tổng giám đốc	210.000.000	105.000.000
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc	165.000.000	165.000.000
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	132.000.000	120.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	125.000.000	114.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	135.000.000	129.000.000
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30.000.000	105.000.000
Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng giám đốc	-	120.000.000
Lê Công Nghĩa	Kế toán trưởng	111.000.000	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác:****Danh sách các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả
 Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn
 Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả
 Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT
 Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào
 Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
 Hồ Minh Hoàng
 Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát
 Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả
 Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường
 Sài Gòn - Phú Yên
 Công ty cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng
 Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả

Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai
 đoạn 2
 Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận
 Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc
 Đèo Cả

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGD kiêm người
 đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát
 viên Phan Thị Mai
 Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông
 Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT
 Nguyễn Quang Huy
 Công ty liên kết
 Chủ tịch HĐQT
 Công ty con của công ty mẹ
 Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
 Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên
 HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân
 Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang
 Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông,
 Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
 Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
 Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn
 Minh Giang
 Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
 Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang
 Huy, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang
 Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy
 Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
 Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ
 trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

Công ty con

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	42.474.339.495	412.341.059.138
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	88.665.819.738	93.571.724.610
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	8.504.405.839	44.235.758.180

Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	10.248.764.493	555.004.712.301
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	50.734.692.306	271.097.684.187
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(44.017.560)	(2.458.116.003)

Tóm tắt hoạt động của khoản đầu tư vào các công ty khác trong kỳ:

Đầu tư vào Công ty khác

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	17,78%	17,78%	50.285.890.450	60.121.891.184
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15,37%	15,37%	82.712.481.518	543.878.403.917

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
			31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.871.399.630	3.814.924.074
		Góp vốn	-	7.000.000.000
		Đặt cọc góp vốn	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	71.227.513.355	65.261.705.740
		Góp vốn	-	73.000.000.000
		Đặt cọc góp vốn	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.174.136.111	7.528.705.556
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.441.658.573	3.997.156.397
		Mua hàng hóa, dịch vụ	10.040.010.834	15.167.040.112
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Bán hàng hóa, dịch vụ	24.176.744.727	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.101.549.072	849.161.111

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 03 tháng kết thúc ngày	
			31.03.2026 VND	31.03.2025 VND
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	60.880.340.205	78.694.966.750
		Mua hàng hóa, dịch vụ	9.438.320.677	68.376.506.264
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	8.556.523.623	7.938.996.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Bán hàng hóa, dịch vụ	3.074.292.459	3.662.527.966
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Bán hàng hóa, dịch vụ	68.090.909	251.272.726
		Mua hàng hóa, dịch vụ	3.902.219.130	3.684.046.659
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.224.906.481	10.882.018.518
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	1.040.243.909	13.094.465.578
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Bán hàng hóa, dịch vụ	78.495.855.194	-
		Góp vốn	16.072.000.000	-
		Đặt cọc góp vốn	9.650.000.000	92.074.000.000
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	4.241.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Công nợ với các bên liên quan khác**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			909.122.024.653	1.037.787.818.237
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Vận hành các trạm thu phí Cộng	28.249.859.577 13.789.448.150 42.039.307.727	41.087.303.577 13.789.448.150 54.876.751.727
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Vận hành các trạm thu phí Thi công xây lắp Dịch vụ khác Cộng	303.887.754.751 28.798.581.405 79.873.977.488 975.076.270 413.535.389.914	318.256.361.151 38.719.108.205 91.233.200.254 975.076.270 449.183.745.880
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Vận hành các trạm thu phí Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Cộng	1.935.975.760 281.335.630 21.196.467.730 23.413.779.120	666.835.760 281.335.630 28.094.386.730 29.042.558.120
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp Cộng	862.653.918 862.653.918	- -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Thi công xây lắp Dịch vụ khác Cộng	27.921.104.030 5.544.790.000 33.465.894.030	37.651.942.831 3.684.240.000 41.336.182.831
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp Cộng	227.332.523.990 227.332.523.990	254.985.126.957 254.985.126.957
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Trung tu hầm, đường Thi công xây lắp Vận hành các trạm thu phí Cộng	4.135.755.900 1.150.582.495 244.609.500 4.929.014.400 10.459.962.295	1.655.543.900 1.150.582.495 244.609.500 3.647.065.400 6.697.801.295
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp Cộng	22.307.847.798 22.307.847.798	34.322.956.453 34.322.956.453

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Thuê xe Cộng	804.516.320 804.516.320	730.978.138 730.978.138
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Thuê xe Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Cộng	388.363.635 15.422.968.419 15.811.332.054	388.363.635 15.248.299.647 15.636.663.282
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Thuê xe Cộng	106.628.418.487 12.122.899.000 337.500.000 119.088.817.487	127.567.935.784 23.069.617.770 337.500.000 150.975.053.554
ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN			41.880.195.168	40.839.951.259
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Hợp tác kinh doanh Cộng	41.880.195.168 41.880.195.168	40.839.951.259 40.839.951.259

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			45.390.141.962	46.412.141.962
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn Cộng	1.500.000.000 1.500.000.000	1.500.000.000 1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bảo hành các công trình xây lắp Đặt cọc góp vốn Cộng	14.881.361.082 23.000.000.000 37.881.361.082	14.881.361.082 17.500.000.000 32.381.361.082
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Đặt cọc góp vốn Cộng	- -	6.422.000.000 6.422.000.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay Phải thu khác Cộng	- 6.008.780.880 6.008.780.880	100.000.000 6.008.780.880 6.108.780.880

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2026	01.01.2026
			VND	VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			3.094.427.531	3.094.427.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu thi công xây lắp	3.094.427.531	3.094.427.531
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			41.880.195.168	40.839.951.259
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh	18.184.066.664	18.184.066.664
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	23.696.128.504	22.655.884.595
Cộng			41.880.195.168	40.839.951.259
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			87.299.620.603	66.446.681.723
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền vé máy bay	549.833.196	299.926.489
		Cung cấp công nghệ thông tin	963.307.500	674.795.250
		Mua vật tư, thuê thiết bị	35.785.732.463	23.505.619.531
		Phải trả khác	210.360.000	210.360.000
Cộng			37.509.233.159	24.690.701.270

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
PHẢI TRÁ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Mua vật tư Cộng	33.410.300.171 33.410.300.171	31.647.657.478 31.647.657.478
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Cung cấp dịch vụ Cộng	7.191.463.133 7.191.463.133	5.134.095.495 5.134.095.495
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Cung cấp dịch vụ Cộng	9.188.624.140 9.188.624.140	4.974.227.480 4.974.227.480
ỨNG TRƯỚC TỪ KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			-	442.890.297
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Ứng trước từ khách hàng ngắn hạn Cộng	- -	442.890.297 442.890.297

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2026 VND	01.01.2026 VND
ỨNG TRƯỚC TỪ KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			496.897.909.915	507.937.125.175
Công ty Cổ phần cao tốc Đông Đăng - Trà Linh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Ứng trước từ khách hàng dài hạn Cộng	155.542.909.915 155.542.909.915	166.582.125.175 166.582.125.175
Công ty Cổ phần cao tốc Đông Đăng - Trà Linh - Giai đoạn 2	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Ứng trước từ khách hàng dài hạn Cộng	341.355.000.000 341.355.000.000	341.355.000.000 341.355.000.000
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			497.726.757.166	500.166.647.791
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Cung cấp vật tư Cộng	78.437.835 78.437.835	86.801.835 86.801.835
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần Phải trả ngắn hạn khác Cộng	495.400.000.000 2.248.319.331 497.648.319.331	495.400.000.000 4.679.845.956 500.079.845.956

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.

